

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H.N
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST

Ngày: 30-12-2020

V/v tranh chấp hợp đồng

mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H.N, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn C. D.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm V B.

2. Ông Nguyễn T L.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn T H là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần T H - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11, 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H.N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2020/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên V.T.N.

Địa chỉ: Số 305, tỉnh lộ 954, khóm L.H, phường L.S, thị xã T.C, tỉnh An Giang. Người đại diện hợp pháp: Ông Lê T.H - Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Ông Châu B.N, sinh năm 1958; cư trú tại: khóm L.H, phường L.S, thị xã T.C, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 17/12/2019).

- Bị đơn:

1. Bà Võ Thị T.X, sinh năm 1980. Hộ kinh doanh C.T.

Địa chỉ: ấp L.T, xã L.T, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Lê C.T, sinh năm 1980.

Cư trú tại: ấp L.T, xã L.T, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ V.C, sinh năm 1948.

Cư trú tại: ấp L.H, xã L.T, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Dương B.N, sinh năm 1967.

Cư trú tại: ấp L.T, xã L.T, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn H.E, sinh năm 1973.

Cư trú tại: ấp P.H, xã L.C, thị xã T.C, tỉnh An Giang.
(Ông N, ông T có mặt tại phiên tòa, bà X, ông C, bà N, ông E vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên V.T.N do ông Châu B.N đại diện trình bày: Bà Võ Thị T.X, ông Lê C.T đến Công ty TNHH Một thành viên V.T.N (gọi tắt là Công ty) mua phân về sử dụng và bán lại.

1/ Ngày 30/4/2018 bà X, ông T mua 05 loại phân số lượng 115 bao, thành tiền 48.460.000 đồng, người nhận ông T. Đến ngày 26/11/2018 bà X, ông T thanh toán 48.460.000 đồng.

2/ Ngày 20/5/2018 bà X, ông T mua 03 loại phân số lượng 70 bao, thành tiền 30.490.000 đồng, người nhận ông T. Đến ngày 26/11/2018 bà X, ông T thanh toán được 11.540.000 đồng, còn lại 18.950.000 đồng.

3/ Ngày 09/6/2018 bà X, ông T mua 02 loại phân số lượng 50 bao, thành tiền 20.300.000 đồng, người nhận ông T. Đến ngày 15/6/2018 bà X, ông T thanh toán 20.300.000 đồng.

4/ Ngày 24/6/2018 bà X, ông T mua 05 loại phân số lượng 53 bao, thành tiền 21.125.000 đồng, người nhận ông T. Đến ngày 28/7/2018 bà X, ông T thanh toán 21.125.000 đồng.

5/ Ngày 18/9/2018 bà X, ông T mua 03 loại phân số lượng 30 bao, thành tiền 14.180.000 đồng, người nhận ông C chưa thanh toán.

6/ Ngày 30/11/2018 bà X, ông T mua 05 loại phân số lượng 110 bao, thành tiền 54.025.000 đồng, người nhận ông T chưa thanh toán.

7/ Ngày 13/12/2018 bà X, ông T mua 04 loại phân số lượng 60 bao, thành tiền 28.800.000 đồng, người nhận bà N chưa thanh toán.

Từ ngày 30/4/2018 đến ngày 13/12/2018 bà X, ông T mua phân của Công ty với số tiền 217.380.000 đồng, bà X, ông T thanh toán được 101.425.000 đồng, còn nợ 115.955.000 đồng.

Ngày 23/8/2019 có bảng xác nhận và đối chiếu công nợ, bà X còn nợ tiền mua phân của Công ty 115.700.000 đồng, hẹn 30 ngày sau trả vốn và lãi, do tính sai còn thiếu 255.000 đồng.

Ngày 14/10/2019 bà X làm tờ cam kết còn nợ Công ty số tiền 115.955.000 đồng, hẹn mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, đến tháng 12 ã trả 60.000.000 đồng, còn lại qua tết tháng 01, 02 ã trả vốn và lãi. Bà X, ông T không thực hiện .

Nay Công ty do ông N đại diện yêu cầu bà X, ông T trả vốn 115.955.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến 13/11/2019 là 19.019.527 đồng với lãi suất 1%/tháng.

Tại phiên tòa ông N đại diện cho Công ty thay đổi yêu cầu bà X, ông T thanh toán tiền mua phân còn nợ 115.955.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Võ Thị T.X, ông Lê C.T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Ông T, bà X có văn bản trình bày mua phân của Công ty còn nợ số tiền 115.955.000 đồng và có làm tờ cam kết. Tại phiên tòa ông T trình bày hiện nay hoàn cảnh khó khăn xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi dứt nợ, không đồng ý thì giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Võ V.C trình bày: Bà X, ông T có nhờ nhận dùm 30 bao phân với số tiền 14.180.000 đồng, phân không phải của ông.

Bà Dương B.N trình bày: Bà X, ông T có nhờ nhận dùm 60 bao phân với số tiền 28.800.000 đồng, phân không phải của bà.

Ý kiến của Viện kiểm sát: từ khi thụ lý đến xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của Công ty, buộc bà X, ông T trả cho Công ty 115.955.000 đồng tiền mua phân còn nợ, không yêu cầu tính lãi.

Người làm chứng: Ông Nguyễn H.E trình bày vào ngày 13/12/2018 ông chở 60 bao phân giao cho bà X, ông T, phân mà ông giao của Công ty không phải của ông và không ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà X, ông C, bà N đã được Tòa án triệu tập họp lệ, nên việc xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Công ty do ông N đại diện yêu cầu bà X, ông T thanh toán tiền mua phân còn nợ. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung tranh chấp: Công ty do ông N đại diện yêu cầu bà X, ông T thanh toán tiền mua phân còn nợ 115.955.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến 13/11/2019 là 19.019.527 đồng với lãi suất 1%/tháng. Tại phiên tòa ông N đại diện cho Công ty thay đổi yêu cầu bà X, ông T thanh toán 115.955.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp với khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Công ty với bà X, ông T xác lập giao dịch mua bán phân với nhau, việc mua bán diễn ra nhiều lần có biên nhận mỗi lần mua bán và phương thức thanh toán, Công ty giao phân ông T ký nhận khi không có mặt nhờ ông C, bà N ký nhận, biên nhận cũng thể hiện số lượng phân. Từ ngày 30/4/2018 đến ngày 13/12/2018 bà X, ông T mua nhiều loại phân số lượng 488 bao với số tiền 217.380.000 đồng, bà X, ông T thanh toán được 101.425.000 đồng, còn nợ 115.955.000 đồng. Ngày 23/8/2019 giữa Công ty và bà X có bảng xác nhận và đối chiếu công nợ số tiền 115.700.000 đồng, do tính sai còn thiếu 255.000 đồng. Đến ngày 14/10/2019 bà X tiếp tục làm tờ cam kết còn nợ Công ty 115.955.000

đồng, bà X, ông T thừa nhận còn nợ tiền mua phân của Công ty 115.955.000 đồng. Vì vậy, việc yêu cầu của Công ty là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với số tiền lãi của mỗi đợt mua bán phân. Tại phiên tòa ông N đại diện cho Công ty không yêu cầu tiền lãi, nên không đặt ra xem xét.

[6] Đối với ông T xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi dứt nợ, Công ty không thống nhất, nên chưa có cơ sở xem xét.

[7] Đối với ông C, bà N ký nhận phân, Công ty không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: đề nghị chấp nhận yêu cầu của Công ty do ông N đại diện. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định, chấp nhận yêu cầu của Công ty do ông N đại diện. Buộc bà X, ông T trả cho Công ty 115.955.000 đồng tiền mua phân còn nợ.

[9] Về án phí:

9.1. Yêu cầu của Công ty được chấp nhận, nên bà X, ông T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.797.750 đồng (làm tròn 5.797.000 đồng).

9.2. Trả lại cho Công ty tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm đã nộp 3.375.000 đồng theo biên lai số: 0001155 ngày 04/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 50 Luật thương mại; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Một thành viên V.T.N do ông Châu B.N đại diện.

2. Buộc bà Võ Thị T.X, ông Lê C.T trả cho Công ty TNHH Một thành viên V.T.N 115.955.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền mua phân còn nợ.

3. Về án phí:

3.1. Bà Võ Thị T.X, ông Lê C.T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.797.000 đồng (Năm triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

3.2. Trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên V.T.N tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm đã nộp 3.375.000 đồng (Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001155 ngày 04/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.N.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357,

Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện H.N;
- THADS huyện H.N;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn C.D